

các mặt công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình. Ủy ban có tài khoản, có con dấu và trụ sở riêng.

2. Ở cấp huyện, quận và tương đương thành lập Ban Dân số và kế hoạch hóa gia đình trực thuộc Ủy ban Nhân dân do Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân phụ trách, có cán bộ chuyên trách giúp việc từ 1 đến 2 người. Đại diện các ngành Y tế, Giáo dục, Tài chính, Thống kê, Văn hóa - Thông tin và các đoàn thể là thành viên của Ban.

3. Ở cấp xã, phường, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình là trách nhiệm của Ủy ban Nhân dân, do một Phó Chủ tịch phụ trách và sử dụng các bộ phận chuyên môn giúp việc.

Điều 7. - Nghị định này thay thế Quyết định số 58-11ĐBT ngày 11 tháng 4 năm 1984, Quyết định 51-CT ngày 6 tháng 3 năm 1989 và có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các văn bản quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Chủ tịch Ủy ban Quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 180-CT ngày 8-6-1991 về thành lập Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và Công ty Tài chính ngày 23 tháng 5 năm 1990;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Thành lập Tổng công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam trên cơ sở Công ty vàng bạc Trung ương và các Công ty vàng bạc quốc doanh đang trực thuộc Ngân hàng Nhà nước các cấp thành một tổ chức thống nhất, có chức năng kinh doanh vàng bạc, đá quý và góp phần thực hiện chính sách tiền tệ của Nhà nước.

Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam có trụ sở tại Hà Nội; được thành lập ở trong nước các Văn phòng đại diện, Công ty tại các thị trường vàng bạc, đá quý trọng điểm; các xí nghiệp gia công, chế tác vàng bạc, đá quý. Việc đặt các Chi nhánh, hoặc Văn phòng đại

diện ở nước ngoài theo quy định riêng của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2. — Nhiệm vụ của Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam chủ yếu là: mua bán, gia công, chế tác vàng bạc, đá quý trong nước và xuất khẩu, nhập khẩu vàng bạc, đá quý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam được liên doanh với các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước về chế tác, gia công, kiểm định vàng bạc, đá quý theo pháp luật của Nhà nước và quy định của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 3. — Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam là một pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập; được Nhà nước cấp vốn Điều lệ ấn định là 100 tỷ đồng (tương đương 1.000 kg vàng); được mở tài khoản và vay vốn tại Ngân hàng Nhà nước, được sử dụng con dấu riêng.

Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam được huy động vốn dưới hình thức phát hành các trái phiếu bằng vàng và bằng tiền được Ngân hàng Nhà nước bảo trợ.

Điều 4. — Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam đặt dưới quyền quản lý của Hội đồng quản trị gồm 5 đến 7 thành viên và quyền điều hành của một Tổng Giám đốc; Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc giúp việc. Tổng Giám đốc do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng bổ nhiệm theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Tổng Giám đốc là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các Phó Tổng Giám đốc và các thành viên Hội đồng quản trị do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước bổ nhiệm.

Điều 5. — Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

Điều 6. — Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương và Tổng Giám đốc Tổng công ty vàng bạc, đá quý Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIỆT

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 181-CT ngày 8-6-1991 cho phép thành lập Hội khoa học đất Việt Nam.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ chỉ thị số 1-CT ngày 5 tháng 1 năm 1989 về việc quản lý tổ chức và hoạt động của các Hội quần chúng;

Xét đề nghị của Ban vận động thành lập Hội khoa học đất Việt Nam, ý kiến của Bộ Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm và Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam,

09652843

www.ThuVienPhapLuat.com * Tel: +84-8-3845 6684

LawSoft